

Luật số: /2026/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo số 01
(18/6/2026)

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU 6 VÀ PHỤ LỤC IV VỀ DANH MỤC NGÀNH,
NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 143/2026/QH15;

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2026/QH15

1. Bổ sung điểm m vào sau điểm l khoản 1 Điều 6 như sau:

“m) Kinh doanh khí N₂O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, ngoài mục đích y tế.”.

2. Thay thế Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bằng Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư số 143/2026/QH15 nhưng đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật này, tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận hoặc hình thức văn bản cho phép đầu tư, kinh doanh khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp đến hết thời hạn của văn bản, giấy tờ đó.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**Trần Thanh Mẫn**

Phụ lục IV

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số .../2026/QH15 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1	Sản xuất con dấu
2	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4	Kinh doanh thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị, thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
5	Kinh doanh súng bắn sơn
6	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
11	Hành nghề luật sư
12	Hành nghề công chứng
13	Hành nghề giám định tư pháp
14	Hành nghề đấu giá tài sản
15	Hành nghề thừa hành viên
16	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
17	Kinh doanh dịch vụ kế toán
18	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
19	Kinh doanh hàng miễn thuế

STT	NGÀNH, NGHỀ
20	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
21	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
22	Kinh doanh chứng khoán
23	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước
24	<i>Hoạt động</i> kinh doanh bảo hiểm (<i>không bao gồm dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</i>)
25	Kinh doanh tái bảo hiểm
26	Môi giới bảo hiểm
27	Đại lý bảo hiểm
28	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
29	Kinh doanh xổ số
30	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (<i>bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino và đặt cược</i>)
31	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
32	Kinh doanh ca-si-nô (casino)
33	Kinh doanh đặt cược
34	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện
35	Kinh doanh xăng dầu
36	Kinh doanh khí
37	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)
38	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ
39	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ
40	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn

STT	NGÀNH, NGHỀ
41	Sản xuất, kinh doanh hóa chất, trừ hóa chất thuộc danh mục hóa chất, khoáng vật cấm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật này; dịch vụ tồn trữ hóa chất; hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất
42	Kinh doanh rượu
43	Kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá, trừ thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng
44	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Y tế
45	Hoạt động Sở Giao dịch hàng hóa
46	Hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện
47	Xuất khẩu gạo
48	Kinh doanh khoáng sản
49	Kinh doanh tiền chất công nghiệp
50	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài tại Việt Nam
51	Kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp
52	Hoạt động thương mại điện tử: quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp; chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
53	Hoạt động dầu khí
54	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
55	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
56	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
57	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
58	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động
59	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

STT	NGÀNH, NGHỀ
60	Kinh doanh dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện thuốc lá, điều trị HIV/AIDS, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em
61	Kinh doanh vận tải đường bộ
62	Sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô
63	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới
64	Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô
65	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông
66	Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe
67	Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông
68	Kinh doanh vận tải đường thủy
69	Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên và người lái phương tiện thủy nội địa
70	Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải
71	Kinh doanh vận tải biển
72	Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng
73	Kinh doanh khai thác cảng biển
74	Kinh doanh vận tải hàng không
75	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam
76	Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác
77	Kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác
78	Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay

STT	NGÀNH, NGHỀ
	và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác
79	Kinh doanh cảng hàng không
80	Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không
81	Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không
82	Kinh doanh vận tải đường sắt
83	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt
84	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiểm
85	Kinh doanh vận tải đường ống
86	Kinh doanh bất động sản
87	Kinh doanh nước sạch (nước sinh hoạt)
88	Hành nghề quản lý dự án đầu tư xây dựng và chỉ huy trưởng công trường
89	Hành nghề khảo sát xây dựng
90	Hành nghề thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
91	Hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
92	Hành nghề Chỉ huy trưởng công trình
93	Hành nghề kiểm định xây dựng
94	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
95	Hành nghề tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn
96	Kinh doanh sản phẩm amiang trắng thuộc nhóm Serpentine
97	Kinh doanh dịch vụ bưu chính
98	Kinh doanh dịch vụ viễn thông
99	Kinh doanh dịch vụ tin cậy
100	Hoạt động của nhà xuất bản

STT	NGÀNH, NGHỀ
101	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì không chứa nhãn hàng hoá.
102	Kinh doanh dịch vụ phát hành xuất bản phẩm
103	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
104	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet
105	Kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
106	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
107	Dịch vụ gia công, sửa chữa hàng hoá thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài
108	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
109	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền
110	Kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử
111	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự)
112	Kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu
113	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự
114	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động
115	Hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non
116	Hoạt động của cơ sở giáo dục phổ thông
117	Hoạt động của cơ sở giáo dục đại học
118	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, và phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
119	Hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên
120	Hoạt động của trường chuyên biệt
121	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài

STT	NGÀNH, NGHỀ
122	Kiểm định chất lượng giáo dục
123	Khai thác thủy sản
124	Kinh doanh thủy sản
125	<i>Sản xuất</i> Kinh doanh thức ăn thủy sản, <i>sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; sản xuất</i> thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý <i>chất thải chăn nuôi</i> môi trường nuôi trồng thủy sản
126	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
127	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong chăn nuôi
128	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá
129	Đăng kiểm tàu cá
130	Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá
131	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
132	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật
133	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật
134	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật
135	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y
136	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y
137	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật
138	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật
139	Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)
140	Kinh doanh chăn nuôi trang trại
141	Kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm

STT	NGÀNH, NGHỀ
142	<i>Sản xuất</i> Kinh doanh phân bón
143	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón
144	Kinh doanh <i>giống vật nuôi, sản xuất giống cây trồng</i> giống cây trồng, giống vật nuôi
145	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản
146	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi
147	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản
148	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi
149	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen
150	Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
151	Kinh doanh dược
152	Sản xuất mỹ phẩm
153	Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng y tế
154	Kinh doanh thiết bị y tế
155	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm giám định về quyền tác giả và quyền liên quan, giám định sở hữu công nghiệp và giám định về quyền đối với giống cây trồng)
156	Kinh doanh dịch vụ tiến hành công việc bức xạ
157	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
158	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
159	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ
160	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan, dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp và dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng)
161	Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim

STT	NGÀNH, NGHỀ
162	Kinh doanh dịch vụ giám định di vật, cổ vật
163	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch, dự án, thiết kế, tổ chức thi công, tư vấn giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích
164	Kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke), vũ trường
165	Kinh doanh dịch vụ lễ hành
166	Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
167	Kinh doanh bán ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu
168	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
169	Kinh doanh di vật, cổ vật, trừ kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật; kinh doanh dịch vụ bảo quản, phục chế, số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu di vật, cổ vật
170	Nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
171	Kinh doanh dịch vụ bảo tàng
172	Kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
173	Kinh doanh dịch vụ tư vấn điều tra, đánh giá đất đai
174	Kinh doanh dịch vụ về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
175	Kinh doanh dịch vụ xác định giá đất
176	Kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ
177	Kinh doanh dịch vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
178	Kinh doanh dịch vụ khoan nước dưới đất, thăm dò nước dưới đất
179	Kinh doanh dịch vụ khai thác tài nguyên nước
180	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân phối tài nguyên nước; dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa
181	Kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản

STT	NGÀNH, NGHỀ
182	Khai thác khoáng sản
183	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
184	Nhập khẩu phế liệu
185	Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường
186	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại
187	Hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
188	Hoạt động kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô
189	Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng; cung ứng dịch vụ tiền di động
190	Cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng
191	Hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng
192	Kinh doanh vàng, trừ vàng trang sức, mỹ nghệ
193	Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên
194	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian , phân tích, tổng hợp dữ liệu
195	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu
196	Kinh doanh dịch vụ sản dữ liệu
197	Hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa
198	Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân
199	<i>Kinh doanh dịch vụ thị thực của nhà đầu tư nước ngoài</i>